

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo tài chính quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2022

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo của Ban Giám đốc

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3600642822

ngày 1 tháng 7 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600642822 ngày 18 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch
Bà Thái Thị Hồng Yến	Thành viên (đến ngày 19 tháng 4 năm 2022)
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Huỳnh Việt Thắng	Thành viên
Ông Ngô Văn Phước	Thành viên (đến ngày 19 tháng 4 năm 2022)
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên (từ ngày 19 tháng 4 năm 2022)
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên (từ ngày 19 tháng 4 năm 2022)

Ban Giám đốc

Ông Phan Trọng Chinh	Tổng Giám đốc (từ ngày 17 tháng 1 năm 2022)
Bà Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc (đến ngày 17 tháng 1 năm 2022)
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc chất lượng

Trụ sở đăng ký

Đường D4, Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn
Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		388.948.005.674	405.908.491.608
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	134.523.109.179	41.410.827.367
Tiền	111		40.523.109.179	8.410.827.367
Các khoản tương đương tiền	112		94.000.000.000	33.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	94.975.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	8.000.000.000	94.975.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.464.549.345	67.305.897.437
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	37.036.520.775	64.703.359.421
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		481.015.092	126.276.143
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	61.947.013.478	2.476.261.873
Hàng tồn kho	140	9	146.593.941.582	201.792.623.838
Hàng tồn kho	141		146.593.941.582	201.792.623.838
Tài sản ngắn hạn khác	150		366.405.568	424.142.966
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		358.867.714	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.537.854	101.929.002
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	322.213.964

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		285.824.614.560	298.601.375.021
Tài sản cố định	220		231.349.900.645	245.578.702.273
Tài sản cố định hữu hình	221	10	230.979.983.954	245.161.160.588
Nguyên giá	222		401.555.476.371	400.291.860.371
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.575.492.417)	(155.130.699.783)
Tài sản cố định vô hình	227	11	369.916.691	417.541.685
Nguyên giá	228		549.000.000	549.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(179.083.309)	(131.458.315)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.754.090.200	8.939.240.067
Nguyên giá	231		34.505.676.919	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.751.586.719)	(25.566.436.852)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	206.605.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242		-	206.605.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
Tài sản dài hạn khác	260		46.720.623.715	43.876.827.681
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	43.908.125.000	43.876.827.681
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.812.498.715	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		674.772.620.234	704.509.866.629

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		364.793.635.747	346.419.049.373
Nợ ngắn hạn	310		364.693.635.747	346.319.049.373
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	194.269.046.942	250.017.710.824
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.102.093.221	5.975.576.882
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	19.899.766.333	6.938.180.566
Phải trả người lao động	314		11.959.327.316	11.960.132.866
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.397.560.030	35.884.565.625
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.012.377.600	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	63.369.849.636	4.514.921.080
Vay ngắn hạn	320	19	41.607.442.371	20.357.796.120
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.076.172.298	10.670.165.410
Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	100.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		309.978.984.487	358.090.817.256
Vốn chủ sở hữu	410	20	309.978.984.487	358.090.817.256
Vốn cổ phần	411	21	223.983.740.000	223.983.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		223.983.740.000	223.983.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	15.706.553.642	15.706.553.642
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.288.690.845	118.400.523.614
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.408.653.614	5.036.986.139
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/kỳ trước	421b		63.880.037.231	113.363.537.475
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		674.772.620.234	704.509.866.629

Ngày 18 tháng 10 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Luân
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Phan Trọng Chinh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu kỳ	
			2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	389.423.510.290	268.397.255.872	1.117.090.983.863	1.008.359.308.743
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	325.352.081.264	218.309.383.657	927.655.226.396	796.701.744.266
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		64.071.429.026	50.087.872.215	189.435.757.467	211.657.564.477
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.444.361.969	1.110.379.067	4.621.174.223	4.708.223.661
Chi phí tài chính	22	27	1.275.434.806	302.177.181	2.745.929.256	996.056.790
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>123.323.677</i>	<i>35.669.550</i>	<i>304.404.036</i>	<i>305.439.431</i>
Chi phí bán hàng	25		37.352.563.951	25.324.417.006	98.035.345.978	97.422.484.582
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.586.852.412	6.997.768.610	20.415.997.960	22.322.277.159
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		20.300.939.826	18.573.888.485	72.859.658.496	95.624.969.607
Thu nhập khác	31		712.895.710	584.269.172	1.007.305.057	962.564.791
Chi phí khác	32		58.054.503	2.312.297	310.103.463	251.198.199
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		654.841.207	581.956.875	697.201.594	711.366.592
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang tiếp theo)	50		20.955.781.033	19.155.845.360	73.556.860.090	96.336.336.199

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu kỳ	
			2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (mang từ trang trước sang)	50		20.955.781.033	19.155.845.360	73.556.860.090	96.336.336.199
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.797.507.577	2.644.413.106	12.489.321.574	12.317.045.305
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		(2.812.498.715)	-	(2.812.498.715)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		17.970.772.171	16.511.432.254	63.880.037.231	84.019.290.894

	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu kỳ	
			2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	802	737	2.852	3.751

Ngày 18 tháng 10 năm 2022

Người lập:

Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Phan Trọng Chinh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kết thúc ngày	
			30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		73.556.860.090	96.336.336.199
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		16.677.567.495	16.123.254.194
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		599.613.723	(11.495.687)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.309.646.252)	(2.905.906.075)
Chi phí lãi vay	06		304.404.036	305.439.431
<hr/>				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		87.828.799.092	109.847.628.062
Biến động các khoản phải thu	09		(32.249.611.691)	14.687.643.635
Biến động hàng tồn kho	10		55.198.682.256	10.760.936.691
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(62.890.007.665)	(84.904.955.558)
Biến động chi phí trả trước	12		(390.165.033)	1.476.816.326
<hr/>				
			47.497.696.959	51.868.069.156
Tiền lãi vay đã trả*	14		(291.909.383)	(309.976.106)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.606.382.816)	(10.434.466.602)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.593.993.112)	(2.044.567.872)
<hr/>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.005.411.648	39.079.058.576
<hr/>				
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.057.011.000)	(8.043.474.970)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		-	(44.500.000.000)
Tiền thu từ tất toán tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		86.975.000.000	85.300.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.977.392.768	3.588.230.457
<hr/>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		89.895.381.768	36.344.755.487

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kết thúc ngày	
			30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		74.923.494.303	81.896.179.320
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(53.966.167.364)	(67.752.781.160)
Tiền chi trả cổ tức	36		(53.472.342.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.515.015.561)	14.143.398.160
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		92.385.777.855	89.567.212.223
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		41.410.827.367	39.563.916.661
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		726.503.957	(464.541)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	134.523.109.179	129.130.664.343

Ngày 18 tháng 10 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Phan Trọng Chinh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt NET là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2022: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa;
- bán buôn các loại bột giặt, chế phẩm vệ sinh và hóa chất tẩy rửa; và
- cho thuê kho, nhà xưởng và văn phòng.

(c) Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Nhân sự Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty có 445 nhân viên (1/1/2022: 555 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính quý này được lập cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 8 năm đến 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá trị của nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- vật kiến trúc 5 – 20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sử dụng hạ tầng

Chi phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của dòng tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi và lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	322.680.845	253.038.315
Tiền gửi ngân hàng	40.200.428.334	8.157.789.052
Các khoản tương đương tiền	94.000.000.000	33.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	134.523.109.179	41.410.827.367

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi tiền.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	8.000.000.000	94.975.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan**

	30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	17.916.243.944	17.823.678.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	-	20.741.955.740

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký cược, ký quỹ	1.039.100.000	987.300.000
Dự thu lãi tiền gửi	240.865.753	908.612.269
Tạm ứng	29.100.000	55.870.000
Mua hộ nguyên vật liệu phải thu một bên liên quan	60.509.915.828	-
Phải thu khác	128.031.897	524.479.604
	61.947.013.478	2.476.261.873

9. Hàng tồn kho

	30/9/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	7.084.182.360	-
Nguyên vật liệu	97.712.470.451	-	144.836.227.896	-
Công cụ và dụng cụ	303.908.245	-	449.859.560	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.374.175.959	-	4.058.318.917	-
Thành phẩm	46.203.386.927	-	45.364.035.105	-
	146.593.941.582	-	201.792.623.838	-

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	228.053.188.786	158.819.479.276	11.331.818.097	2.087.374.212	400.291.860.371
Tăng trong kỳ	-	890.000.000	85.000.000	-	975.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản	-	288.616.000	-	-	288.616.000
Số dư cuối kỳ	228.053.188.786	159.998.095.276	11.416.818.097	2.087.374.212	401.555.476.371
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	50.699.300.210	96.146.593.482	7.083.996.841	1.200.809.250	155.130.699.783
Khấu hao trong kỳ	7.892.146.431	6.806.530.932	589.630.921	156.484.350	15.444.792.634
Số dư cuối kỳ	58.591.446.641	102.953.124.414	7.673.627.762	1.357.293.600	170.575.492.417
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	177.353.888.576	62.672.885.794	4.247.821.256	886.564.962	245.161.160.588
Số dư cuối kỳ	169.461.742.145	57.044.970.862	3.743.190.335	730.080.612	230.979.983.954

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 71.323 triệu VND (1/1/2022: 60.735 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	549.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	131.458.315
Khấu hao trong kỳ	47.624.994
Số dư cuối kỳ	179.083.309
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	417.541.685
Số dư cuối kỳ	369.916.691

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	23.275.919.803	2.290.517.049	25.566.436.852
Khấu hao trong kỳ	1.138.104.986	47.044.881	1.185.149.867
Số dư cuối kỳ	24.414.024.789	2.337.561.930	26.751.586.719
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	8.451.153.408	488.086.659	8.939.240.067
Số dư cuối kỳ	7.313.048.422	441.041.778	7.754.090.200

Bao gồm trong bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.593 triệu VND (1/1/2022: 2.545 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ với số tiền là 716.390.400 VND. Công ty nắm giữ số lượng 6.600 cổ phần, mệnh giá là 100.000 VND/1 cổ phần, chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Hiện tại Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do bị thua lỗ kéo dài và hiện đơn vị này đã làm thủ tục giải thể doanh nghiệp. Ban Giám đốc của Công ty đã trích lập dự phòng theo mức 100% cho toàn bộ khoản đầu tư nói trên với số tiền 716.390.400 VND.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Phí sử dụng hạ tầng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	43.249.575.882	627.251.799	43.876.827.681
Tăng trong kỳ	-	1.579.782.496	1.579.782.496
Phân bổ trong kỳ	(846.187.353)	(702.297.824)	(1.548.485.177)
Số dư cuối kỳ	42.403.388.529	1.504.736.471	43.908.125.000

15. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	6.771.956.400	4.104.051.600
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	-	4.262.992.800

Các khoản phải trả thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ cán trừ trong kỳ VND	30/9/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	509.853.674	108.262.084.608	100.717.290.636	8.054.647.646
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	14.425.830.804	14.425.830.804	-
Thuế nhập khẩu	-	687.666.715	687.666.715	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.284.799.503	12.489.321.574	7.606.382.816	10.167.738.261
Thuế thu nhập cá nhân	150.122.132	2.049.461.964	1.455.363.547	744.220.549
Thuế khác	993.405.257	1.466.759.316	1.527.004.696	933.159.877
	6.938.180.566	139.381.124.981	126.419.539.214	19.899.766.333

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí khuyến mại và hỗ trợ bán hàng	5.860.000.000	30.325.901.365
Chi phí vận chuyển	2.871.862.132	3.940.678.195
Chi phí hoa hồng bán hàng	92.547.000	162.242.200
Chi phí lãi vay	17.782.068	5.287.415
Chi phí khác	2.555.368.830	1.450.456.450
	11.397.560.030	35.884.565.625

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	58.519.527.500	7.283.930
Phải trả cho nhân viên	2.697.522.277	2.352.997.845
Nhận ký quỹ, ký cược	1.186.900.000	1.186.900.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	198.711.987	57.309.820
Phải trả khác	767.187.872	910.429.485
	63.369.849.636	4.514.921.080

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2022		Biến động trong kỳ			30/9/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	20.357.796.120	20.357.796.120	74.923.494.303	(53.966.167.364)	292.319.312	41.607.442.371	41.607.442.371

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/9/2022 VND	1/1/2022 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	6,5%	21.971.648.998	-
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	2,0% - 3,0%	19.635.793.373	20.357.796.120

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có khoản nợ gốc và lãi quá hạn nào.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	223.983.740.000	15.706.553.642	147.432.230.139	387.122.523.781
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	84.019.290.894	84.019.290.894
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(8.005.000.000)	(8.005.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2021	223.983.740.000	15.706.553.642	223.446.521.033	463.136.814.675
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	223.983.740.000	15.706.553.642	118.400.523.614	358.090.817.256
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	63.880.037.231	63.880.037.231
Cổ tức	-	-	(111.991.870.000)	(111.991.870.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2022	223.983.740.000	15.706.553.642	70.288.690.845	309.978.984.487

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ thường được thành lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	30/9/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	1.135.567	26.954.315.885	9.873	223.531.965
▪ EUR	204	4.705.588	212	5.396.669
		<u>26.959.021.473</u>		<u>228.928.634</u>

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Tổng doanh thu:		
▪ Doanh thu bán hàng	1.071.246.824.058	971.956.360.050
▪ Doanh thu dịch vụ, gia công và bất động sản cho thuê	31.956.887.423	31.283.609.791
▪ Doanh thu khác	13.887.272.382	5.119.338.902
	<hr/>	<hr/>
	1.117.090.983.863	1.008.359.308.743
	<hr/>	<hr/>

25. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	889.493.523.734	768.099.527.340
▪ Giá vốn dịch vụ, gia công và bất động sản cho thuê	24.655.700.942	25.170.954.392
▪ Giá vốn khác	13.506.001.720	3.431.262.534
	<hr/>	<hr/>
	927.655.226.396	796.701.744.266
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.309.646.252	2.905.906.075
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.311.527.971	1.802.317.586
	<hr/>	<hr/>
	4.621.174.223	4.708.223.661
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.441.525.220	690.617.359
Chi phí lãi vay	304.404.036	305.439.431
	<hr/>	<hr/>
	2.745.929.256	996.056.790
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ báo cáo là 63.880 triệu VND (cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021: 84.019 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ là 22.398.374 cổ phiếu (kỳ kết thúc ngày 30/9/2021: 22.398.374 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	63.880.037.231	84.019.290.894
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	63.880.037.231	84.019.290.894

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ	22.398.374	22.398.374

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.852	3.751

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có khả năng suy giảm. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho kỳ kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Mua hàng hóa	38.050.754.000	21.104.360.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Mua hàng hóa	23.983.669.775	23.594.627.900
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ	132.325.457.406	95.008.431.019
Mua hàng hóa	42.512.231.123	-
Mua hộ nguyên vật liệu	55.046.963.289	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce		
Bán hàng hóa	129.381.060	23.185.274.613
Công ty TNHH Masan HPC		
Cổ tức công bố	58.518.150.000	-
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Bán hàng hóa	131.265.850	-
Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins pro		
Bán hàng hóa	1.187.165	-
Công ty TNHH MNS MEAT Hà Nam		
Bán hàng hóa	-	49.314.490
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Thù lao		
	671.909.000	714.041.000

Ngày 18 tháng 10 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Phan Trọng Chinh
Tổng Giám đốc